QUY ĐỊNH QUẢN TRỊ TÀI NGUYÊN THAN - MỘT SỐ BẤT CẬP VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

ThS. ĐỒNG THỊ BÍCH – *Trường Đại học Mỏ-Địa chất*
PGS.TS. NGUYỄN CẢNH NAM - *Tập đoàn Than-Khoáng sản Việt Nam*

Với vị trí, vai trò là một trong hai nguồn lực nền tảng để đi lên giàu mạnh, nhằm tăng cường quản trị tài nguyên than với mục tiêu quản lý và tổ chức khai thác hợp lý, hiệu quả, Tập đoàn Công nghiệp Than đã ra Quyết định số 747/QĐ-Vinacomin ngày 07/5/2013 ban hành "Quy định về quản trị trữ lượng, tài nguyên, sản lượng, chất lượng than nguyên khai khai thác, chỉ tiêu cơ lý đá, tổn thất than và Hướng dẫn thực hiện trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam".

Qua nghiên cứu Quy định nêu trên cho thấy còn có một số tồn tại, bất cập như sau.

1. Tại Điều 2. Trữ lượng (TL), tài nguyên (TN) than

❖ Khoản 2.2 nêu: "TL, TN xác định (trong bảng cân đối) là TL, TN thỏa mãn các tiêu chuẩn tính trữ lượng trong điều kiện kỹ thuật và thị trường tại thời điểm khai thác có hiệu quả. TL, TN trong bảng cân đối là TL đạt các cấp 111, 121, 122, 211, 221, 222, 331, 332, 333". Quy định này có một số bất cập là:

a. Theo Quy định về thăm dò, phân cấp trữ lượng và tài nguyên than theo Quyết định số 25/2007/QĐ-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 31/12/2007 thì trữ lượng than chỉ gồm ba cấp: 111, 121 và 122; các cấp còn lại: 211, 221, 222, 331, 332, 333 là tài nguyên xác định chứ không phải trữ lượng.

b. Điều hệ trọng là chưa thấy nêu quy định về TL, TN cấp nào thì được phép đưa vào lập dự án đầu tư khai thác (trước đây là FS, PS) và đưa vào khai thác. Chính vấn đề này gây ra nhiều hệ lụy như sẽ nêu dưới đây và ở các khoản tiếp theo của Điều 2:

+ Ví dụ loại tài nguyên cấp 333 với mức độ tin cậy nghiên cứu địa chất chỉ là "dự tính" liệu đã đủ điều kiện để đưa vào lập dự án đầu tư khai thác chưa? Theo quy định trước đây thì ngoài trữ lượng cấp A, B (cấp chắc chắn) thì chỉ trữ lượng cấp C1 (tương ứng với mức độ tin cậy nghiên cứu địa chất cấp 2, tức là mức "tin cậy" - theo quy định hiện nay) mới được phép đưa vào lập dự án đầu tư khai thác.

+ Tại khoản 5 nêu về TL, TN huy động khai thác trong kỳ: Chưa quy định rõ loại TN cấp nào thì được huy động vào khai thác trong kỳ?

+ Tại khoản 6 nêu về TL, TN chuẩn bị và tại khoản 7 nêu về TL, TN sẵn sàng: liệu TN trong các trường hợp này có còn là cấp TN nữa không hay đã đạt các tiêu chí cấp TL rồi? nếu còn là TN thì đạt cấp nào? Tại sao?

c. Theo quy định tại Quyết định 25/2007/QĐ-BTNMT nêu trên thì TN các cấp: 211, 221, 222 mới chỉ là "có tiềm năng hiệu quả kinh tế" và các cấp: 331, 332, 333 còn chưa được lập FS, PS (nay là dự án đầu tư) và "chưa rõ hiệu quả kinh tế". Vậy thì căn cứ vào đâu để nói TN than các cấp này là "TN thỏa mãn các tiêu chuẩn tính trữ lượng trong điều kiện kỹ thuật và thị trường tại thời điểm khai thác có hiệu quả"?

Ngoài ra có vấn đề là, trong cơ chế thị trường giá cả thường xuyên biến động, khi giá lên hoặc giảm làm cho cấp TL, TN đang "có hiệu quả kinh tế" trở thành "chưa rõ hiệu quả kinh tế" và ngược lại. Vậy khi đó việc phân loại cũng như huy động TL, TN sẽ xử lý thế nào?

Những vấn đề nêu trên có ý nghĩa hết sức quan trọng và liên quan mật thiết đến hiệu quả đầu tư. Chính những sự quy định không rõ ràng hoặc chưa có quy định đã gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng "đầu tư vào chỗ trống" trong thời gian qua. Ví dụ như có tình trạng là nhiều dự án đầu tư khi triển khai thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản (bóc đất hoặc đào lò XDCB) nhưng không tìm thấy than hoặc có tìm thấy nhưng quá ít so với dự tính, kể cả điều kiện địa chất cũng có nhiều sai khác. Thậm chí không ít trường hợp một số khu vực mỏ đã đưa vào kế hoạch khai thác nhưng khi thực hiện thì không có than như đã dự tính. Đây cũng là một trong những nguyên nhân chính gây ra tình trạng tuổi thọ của hầu hết các lò chợ cơ giới hóa đồng bộ cho đến nay chỉ tính theo tháng, quý và không có hiệu quả, thậm chí có trường hợp tính theo tuần.

Đặc biệt, theo Báo cáo của TKV (ngày 16/12/2013) về tình hình thực hiện Quy hoạch phát triển than đã được phê duyệt theo Quyết định số 60/2012/QĐ-TTg (sau đây gọi là QH60) thì tổng trữ lượng và tài nguyên bể than Đông Bắc và vùng Nội địa giảm 1.875.988 ngàn tấn so với QH60 (tức giảm 20,8 %) do việc cập nhật tài nguyên, trữ lượng theo Báo cáo kết quả giai đoạn 1 Đề án "Điều tra, đánh giá tiềm năng than dưới mức -300 m, bể than Quảng Ninh" đã được Bộ TN&MT phê duyệt tại Quyết định số 1795/QĐ-BTNMT ngày 30/10/2013. Như vậy, mới chỉ sau 1 năm phê duyệt QH60, tài nguyên, trữ lượng than đã "bốc hơi" gần 2 tỉ tấn do mức độ tin cậy thấp của số liệu báo cáo thăm dò.

Tóm lại, không thể có chuyện huy động TN chưa đạt mức thăm dò "tin cậy" vào lập dự án đầu tư khai thác và càng không thể huy động TN vừa chưa đạt mức thăm dò "tin cậy", vừa chưa được lập dự án và "chưa rõ hiệu quả kinh tế" vào khai thác được.

Vì vậy, thiết nghĩ việc huy động TL, TN than trong kỳ nên phân ra các cấp độ sau:

(1) TL, TN huy động vào kỳ kế hoạch, trong đó phân ra:

(1.1) TN huy động vào thăm dò nâng cấp (thăm dò bổ sung, thăm dò khai thác...);

(1.2) TL, TN huy động vào lập dự án đầu tư khai thác (TN đạt mức thăm dò tin cậy, tức là cấp 332 trở lên);

(1.3) TL huy động vào khai thác (theo quy định hiện hành, về mặt nguyên tắc chỉ có khu vực đạt cấp TL 111 và TN 211, tức là đạt mức thăm dò chắc chắn, đã lập dự án đầu tư và có hiệu quả kinh tế hoặc có tiềm năng hiệu quả kinh tế mới được huy động vào khai thác trong kỳ kế hoạch; trong đó, riêng TN 211 trên thực tế chỉ đưa vào khai thác khi tại thời điểm đưa vào khai thác đã được xác định là có hiệu quả kinh tế. Như vậy, thực chất đầu kỳ kế hoạch chỉ đưa vào khai thác TL 111).

❖ Khoản 8 và Khoản 9 có một số vấn đề sau:

a. Tại khoản 8 nêu: "Trữ lượng công nghiệp là trữ lượng địa chất huy động đã trừ các trữ lượng tổn thất", nhưng tại khoản 9 lại nêu: "Tổn thất than trong kỳ là phần TL, TN không thu hồi được". Như vậy, có sự không thống nhất giữa 2 khoản này khi nói về phần than tổn thất. Hơn nữa, như đã phân tích ở trên, về mặt nguyên tắc chỉ đưa vào khai thác TL 111 nên không thể có phần TN tổn thất mà chỉ có phần TL tổn thất.

b. Tại khoản 9 nêu:"Tổn thất than trong kỳ là phần TL, TN không thu hồi được, tính bằng tỉ lệ %". Quy định này không rõ Tỉ lệ % trên cái gì?

- Khoản 13 nêu: "Thể tích than nguyên khai là thể tích của khối lượng than sạch khai thác được và thể tích khối lượng đá lẫn trong than nguyên khai khai thác". Quy định này có bất cập là:

a. Không rõ "than sạch khai thác" là gì? (chắc là "than sạch địa chất khai thác").

b. Khập khiễng trong biểu thức: Thể tích... = Thể tích của khối lượng... + Thể tích của khối lượng...; hơn nữa bản thân "khối lượng" đã là một đại lượng có tính xác định cao hơn (= Thể tích x Thể trọng hoặc chính xác hơn là Khối lượng riêng). Lẽ ra phải là: "Thể tích than nguyên khai là thể tích của than sạch (địa chất) khai thác được và thể tích đá lẫn..."; hoặc "Khối lượng than nguyên khai là khối lượng của than sạch (địa chất) khai thác được và khối lượng đá lẫn...".

❖ Ngoài ra, trong Điều 2 này còn thiếu giải thích các cụm từ sau đây được sử dụng trong Quy định: TL, TN than sạch địa chất và TL, TN địa chất là gì? Giữa 2 đại lượng này có gì khác nhau? Cụm từ "than thành phẩm - ký hiệu Q_{tp}" nêu ở công thức tính khối lượng than sạch địa chất tại điểm 2.1.5 khoản 2 Điều 3 (phần Hướng dẫn) cũng chưa rõ ràng và có thể là chưa chuẩn xác.

2. Tại Chương II. Quản trị tài nguyên, trữ lượng...

Trong chương này tồn tại lớn nhất là còn thiếu quy định về quản trị chất lượng công tác thăm dò, nhất là quản trị sai số về TL, TN than ban đầu (mà trong Quy định này gọi là TL, TN than đầu tiên) nêu trong Báo cáo địa chất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (sau đây gọi tắt là Báo cáo địa chất) để làm cơ sở lập dự án đầu tư khai thác so với TL, TN thực tế đã xác định được trong quá trình khai thác.

Ở đây có 2 vấn đề chính: (1) Quy định về sai số cho phép (hoặc ngược lại là mức độ tin cậy) đối với từng cấp TL, TN; (2) Quy định về quản trị sai số thực tế.

Ta biết rằng, dù có tiến hành thăm dò tỉ mỉ đến đâu thì cũng không thể đảm bảo chính xác 100 % về TL, TN đã được thăm dò. Tùy theo cấp độ thăm dò mà TL và TN các cấp khác nhau có mức độ sai số nhất định. Ví dụ, theo quy định tại Quyết định số 25/2007/QĐ-BTNMT mức độ tin cậy của trữ lượng đảm bảo tối thiểu là 80 %. Như vậy, lẽ ra phải trên cơ sở đó và các quy định có liên quan khác mà cụ thể hóa và đề ra mức sai số (độ tin cậy) cho phép đối với từng cấp TL, TN than để làm cơ sở cho việc quản lý.

Vấn đề sai số thực tế cũng vậy, cần phải được quy định cách thức tính toán và quản trị chúng. Lâu nay, mức độ sai số này cũng như nguyên nhân

chưa được quan tâm theo dõi, cập nhật, quản lý, kể cả trong Quy định này cũng chưa đề cập.

Về mặt nguyên tắc, sai số của từng cấp TL, TN than được xác định bằng (=) TL, TN than đầu tiên (hoặc ban đầu) của từng cấp TL, TN nêu trong Báo cáo địa chất trừ (-) TL thực tế của từng cấp TL, TN ban đầu đã được xác định trong quá trình khai thác. Trong đó TL thực tế được xác định bằng (=) Sản lượng than nguyên khai khai thác trừ (-) Khối lượng đá lẫn cộng (+) Trữ lượng than tổn thất thực tế. Sau khi xác định được sai số thực tế của từng cấp TL, TN than ban đầu theo Báo cáo địa chất, tiếp theo cần so sánh với quy định hiện hành của Nhà nước cũng như của Tập đoàn và phân tích làm rõ nguyên nhân.

Điều này có ý nghĩa quan trọng cho việc quy định về quản trị chất lượng công tác thăm dò, quy định về cấp TL, TN than được phép đưa vào lập dự án đầu tư và đưa vào khai thác, rút kinh nghiệm cho công tác thăm dò nhằm nâng cao mức độ tin cậy của kết quả thăm dò, quản trị tài nguyên than và công tác đầu tư nói chung một cách chặt chẽ, hiệu quả hơn.

3. Về thực hiện công tác quản lý, cập nhật số liệu TL, TN than

Hiện nay, công tác này trong toàn Tập đoàn nói chung thực hiện còn những bất cập nên không biết được thực hư về số liệu TL, TN than do Tập đoàn được Nhà nước giao quản lý và tổ chức khai thác, bảo vệ chính xác là bao nhiêu. Cụ thể là:

❖ Theo số liệu báo cáo của Tập đoàn, TKV được Nhà nước giao quản lý và khai thác 32 mỏ/khoáng sàng theo Quyết định số 481/QĐ-QLTN ngày 08/6/1995 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) tổng tài nguyên, trữ lượng than là 3.400 triệu tấn. Đến 31/12/2011 (tức là 16 năm sau) tổng TL, TN than trong ranh giới theo QĐ 481 nêu trên là 3.920 triệu tấn, trong đó cấp 121, 122, 222 là 2078 triệu tấn, cấp 333 là 1.842 triệu tấn.

❖ Theo QH phát triển ngành than Việt Nam được phê duyệt theo QĐ 60/2012-TTg (gọi tắt QH60) và theo Dự thảo QH phát triển than 3 vùng Uông Bí, Hòn Gai và Cẩm Phả (gọi tắt QH vùng) (lập 2013) thì trữ lượng địa chất (ĐC) và trữ lượng công nghiệp (CN) do Vinacomin quản lý ở từng vùng như sau (triệu tấn) (Bảng 1).

Bảng 1. Trữ lượng địa chất (ĐC) và trữ lượng công nghiệp (CN) do Vinacomin quản lý ở từng vùng.

Vùng	Theo QH 60		Theo dự thảo QH vùng		QH vùng - QH60	
	ĐC	CN	ĐC	CN	ĐC	CN
1. Vùng Uông Bí	950,7	634,9	631,1	465,7	-319,6	-169,2
2. Vùng Hòn Gai	461,0	289,6	305,3	236,1	-155,7	-53,5
3. Vùng Cẩm Phả	996,6	800,4	847,0	711,3	-149,6	-89,1
Cộng 3 vùng	2.408,3	1.724,9	1.783,4	1.413,1	-624,9	-311,8

Qua số liệu nêu trên Bảng 1 cho thấy trữ lượng than do TKV quản lý theo dự thảo QH phát triển than 3 vùng ở Quảng Ninh giảm đáng kể so với QH 60 mới phê duyệt 1 năm trước đó. Thậm chí trữ lượng một số mỏ giảm rất lớn. Ví dụ như theo QH 60 thì các mỏ Hồng Thái, Tràng Bạch, Đông Tràng Bạch, Đồng Vông thuộc diện quản lý của Công ty than Uông Bí có tổng trữ lượng địa chất là 278,2 triệu tấn và tổng trữ lượng công nghiệp là 175,8 triệu tấn; nhưng theo Dự thảo QH phát triển than vùng Uông Bí (lập 2013) thì tổng trữ lượng địa chất còn lại là 131,3 triệu tấn và tổng trữ lượng công nghiệp 89,2 triệu tấn (giảm hơn 50 %).

❖ Căn cứ vào số liệu sản lượng than nguyên khai khai thác cũng như hệ số tổn thất than trong khai thác của các mỏ hầm lò và các mỏ lộ thiên từ năm 1995 đến 2012 ước tính từ năm 1995 đến 2012 toàn TKV đã khai thác tổng trữ lượng than khoảng 600 triệu tấn.

Qua các số liệu từ các nguồn khác nhau nêu trên cho thấy TL, TN than mà TKV được Nhà nước giao quản lý có sự khác nhau rất lớn. Vậy, hiện nay TKV đang quản lý chính xác TL, TN than còn lại là bao nhiêu? Điều đó là chưa rõ. Đây là một trong những nguyên nhân chính đã gây ra nhiều khó khăn, bất cập trong hoạt động kinh doanh than nói chung và việc lập kế hoạch phối hợp kinh doanh 5 năm 2011-2015 nói riêng của toàn Tập đoàn cũng như trong việc thực hiện tái cơ cấu Tập đoàn, ví dụ như trường hợp Công ty TNHH MTV than Uông Bí và một số đơn vị khác. Có thể nói không ngoa rằng: số liệu về TL, TN than mà "đung đưa" thì số phận của Tập đoàn cũng "đung đưa" theo.

Vì vậy, việc theo dõi, tính toán, cập nhật một cách chính xác, kịp thời và kiểm tra thường xuyên về TL, TN than do Tập đoàn quản lý là hết sức cấp thiết.

4. Về chế tài xử lý trách nhiệm đối với công tác thăm dò và khai thác than

Một bất cập nữa là chưa quy định cụ thể chế tài xử lý trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên

(Xem tiếp trang 82)

giá chất lượng, trữ lượng điatomit và khoáng sản đi kèm tỉnh Kon Tum. Đề xuất hướng khai thác, công nghệ chế biến, sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Lưu trữ tại Liên đoàn Địa chất Trung Trung Bộ. Quy Nhơn, 2008.

2. Nguyễn Cương và nnk. Báo cáo kết quả tìm kiếm đánh giá điatomit mỏ Hoà Lộc-An Xuân, Tuy An, tỉnh Phú Yên. Lưu trữ Tổng cục Địa chất và Khoáng sản. Hà Nội, 1991.

3. Nguyễn Đức Huỳnh và nnk. Báo cáo kết quả tìm kiếm đánh giá sét vùng Sa Thầy, Gia Lai-Kon Tum. Lưu trữ Tổng cục Địa chất và Khoáng sản. Hà Nội, 1989.

Người biên tập: Võ Trọng Hùng

SUMMARY

In KonTum, diatomite is observed in the Diên Bình and Ngọc Bay Areas. This rock was made of ~10 different types of diatoms, which is dominated by Aulacosira in intracontinental volcanic lakes. The diatom remains have been well preserved in shale of the Kon Tum Formation, whose thickness varies from 4.1÷7.7 m in Diên Bình and from 5,1÷19,8 m in Ngọc Bay. Diatomite mineralization in Kon Tum is relatively poor compared to other parts in Vietnam and around the world. The quartz content in algae skeleton only demonstrates >11 % while other compositions such as kaolinite, illite show very high contents, greater than 65 %. Diatom remains mainly accumulate in fine-grained sediments (95 % of <45μm-size sediments), other composition are very finely disseminated together with diatoms. Total diatomite resources in Kon Tum was estimated as 21.8 Mt. at 333+334 categories, in which resources at 333 category is 4.4 Mt.

In order to improve quality of diatomite in Kon Tum, the valueless compositions such as quartz, clay and kaolinite need to be removed. Quartz and clay can be separated by physical processing methods and followed by chemical and thermal treatments for removing crystallized water and other compositions.

QUY ĐỊNH QUẢN TRỊ...

(Tiếp theo trang 85)

quan đối với việc: (1) đảm bảo mức độ tin cậy của kết quả thăm dò; (2) việc tuân thủ quy định về loại TL, TN được phép huy động vào lập dự án đầu tư và khai thác; (3) việc tuân thủ quy định về mức độ tổn thất tài nguyên cho phép trong quá trình khai thác than. Đây là một trong những nguyên nhân chính gây ra những tồn tại, bất cập trong quản trị tài nguyên than thời gian qua như đã nêu trên. Do vậy, cần phải khẩn trương khắc phục tồn tại này.❐

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. QH phát triển ngành than Việt Nam đến năm 2020, có xét triển vọng đến năm 2030 được phê duyệt theo Quyết định số 60/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 09/01/2012.

2. Dự thảo QH phát triển than đến 2020 vùng Uông Bí, vùng Hòn Gai và vùng Cẩm Phả (2013).

3. Báo cáo Chuyên đề công tác địa chất thăm dò thuộc Đề tài NC đổi mới, tái cơ cấu TKV giai đoạn 2012-2015, tầm nhìn đến 2020.

4. Báo cáo tổng kết công tác kỹ thuật mỏ than năm 2011, 2012 và các năm khác của TKV.

5. Báo cáo của TKV ngày 16/12/2013 về tình hình thực hiện Quy hoạch phát triển than đã được phê duyệt theo Quyết định số 60/2012/QĐ-TTg.

Người biên tập: Hồ Sĩ Giao

SUMMARY

The paper has showed some insufficient fitters and suggestions to improve the regulations for management for the coal resources.

LỜI HAY Ý ĐẸP

1. Sự ngu xuẩn và lòng kiêu ngạo mọc từ một cây. *Ngạn ngữ Đức.*

2. Chúng ta thường không quý trọng những thứ đạt được quá dễ dàng. *Thomas Paine.*

3. Hiện tại có một quả trứng còn chắc hơn có một con bò trong tương lai. *Tục ngữ Pháp.*

4. Chỉ vì số phận không chia cho bạn những quân bài tốt không có nghĩa là bạn nên bỏ cuộc. Nó chỉ có nghĩa là bạn phải chơi những quân bài đó với những tiềm năng tối đa của chúng. *Les Brown.*